

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2021/HS-ST
Ngày 01/9/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ - TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hải.

Hội thẩm nhân dân: Ông Thái Quang Định và Phạm Thị Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Tố Tâm - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 9 năm 2021, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 78/2021/TLST- HS ngày 13 tháng 8 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2021/QĐXXST- HS ngày 18 tháng 8 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn D**, sinh ngày 03 tháng 12 năm 1989; tại thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; Nơi cư trú: Tổ 1, khu H, phường P, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1966 và bà Đỗ Thị D, sinh năm 1969; có vợ là Bùi Thị T, sinh năm 1991 và có 02 con, lớn sinh năm 2012 và nhỏ sinh năm 2016; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 20/3/2020 bị Ủy ban nhân dân phường P, thành phố Uông Bí áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Bị cáo bị bắt truy nã ngày 15/7/2021 và bị tạm giữ ngày 16/7/2021; hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; Vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị hại:

1. Anh Nguyễn H M, sinh năm 1991; nơi cư trú: Tổ 1, khu H, phường P, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Anh Trần Văn N, sinh năm 1996; nơi cư trú: Tổ 1, khu H, phường P, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Lê Đức T, sinh năm 1975; Nơi cư trú: Thôn G, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa.

- Người làm chứng:

1. Chị Dương Thị H, sinh năm 1983; Nơi cư trú: Tổ 2, khu H, phường P, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt tại phiên tòa.

2. Anh Nguyễn Đình H, sinh năm 1986; Nơi cư trú: Tổ 3, khu A, phường P, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt tại phiên tòa.

3. Anh Lê Văn B, sinh năm 1992; Nơi cư trú: Tổ 1, khu H, phường P, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trong khoảng thời gian từ ngày 30/3/2020 đến ngày 03/5/2020 Nguyễn Văn D đã khai 02 lần thực hiện hành vi mượn xe mô tô của người khác nhau, sau đó mang đi cầm cố lấy tiền tiêu sài cá nhân dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản cho người bị hại, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Sáng ngày 30/3/2020 Nguyễn Văn D gọi điện thoại cho anh Nguyễn H Mừng hỏi mượn xe mô tô để đưa vợ về quê, anh M đồng ý và nói xe mô tô nhãn hiệu Yamaha sirius, biển kiểm soát 14H4-4218 để ở nhà chị Dương Thị H, trú tại tổ 2, khu H, phường P, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Khoảng 08 giờ 30 phút cùng ngày, D đến nhà chị H để lấy xe. Sau đó, do tình hình dịch bệnh covid-19 nên D và vợ không về quê nữa. D nảy sinh ý định cầm cố chiếc xe mô tô của anh M để lấy tiền chi tiêu cá nhân. D điều khiển xe mô tô đến nhà anh Lê Đức T thuộc xã Lưu Kiếm, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng để cầm cố được 3.000.000 đồng và chi tiêu cá nhân hết. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày anh M không thấy D mang xe về trả, cũng không liên lạc được với D. Anh M đã nhiều lần đến nhà tìm nhưng D đều không có mặt ở nhà.

Vụ thứ hai: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 03/5/2021, D cùng anh Trần Văn N đang ngồi chơi tại nhà anh Nguyễn Đình H thuộc tổ 3, khu A, phường P, thành phố Uông Bí thì D hỏi anh N mượn xe mô tô nhãn hiệu Handa Wave, biển kiểm soát 14Y1-283.03 để đi đón bạn, anh N đồng ý. Mượn được xe, D chở Hưng đến quán Internet để chơi điện tử. Do hết tiền tiêu sài nên D nảy sinh ý định cầm cố xe mô tô của anh N. D rủ Hưng đi cùng đến nhà anh T (không nói đi làm gì). Đến nơi, D một mình vào cầm cố chiếc xe mô tô của anh N được 3.000.000 đồng rồi chi tiêu cá nhân hết (không chia tiền cho Hưng). Không thấy D mang xe đến trả, anh N gọi điện thoại nhưng D không nghe máy, đi tìm nhiều nơi nhưng không gặp được D. Sau khi tìm hiểu, anh N và anh M đã biết D cầm cố xe mô tô của mình tại nhà anh T nên ngày 08/5/2020 anh N đến nhà anh T chuộc lại xe với giá là 3.000.000 đồng và ngày 28/6/2020 anh M chuộc lại xe với giá 3.500.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 23 ngày 09/6/2020 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh kết luận:

Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển kiểm soát 14H4-4218 của anh Nguyễn H Mừng đã qua sử dụng T giá 10.000.000 đồng. Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave biển kiểm soát 14Y1-283.03 của anh Trần Văn N đã qua sử dụng giá T 15.000.000 đồng. Tổng giá T 02 chiếc xe mô tô trên là 25.000.000 đồng. Sau khi phạm

tội Nguyễn Văn D bỏ trốn, ngày 15/7/2021 D bị bắt theo quyết định truy nã. Tại cơ quan điều tra, D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Bị cáo D đã tác động với gia đình bồi thường cho anh Trần Văn N số tiền 3.500.000 đồng và anh Nguyễn H M số tiền 4.000.000 đồng, anh N và anh M không có yêu cầu gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Nguyễn Văn D.

Tại Cáo trạng số 81/CT - VKSUB ngày 13/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí đã truy tố Nguyễn Văn D về tội “**Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản**” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với Nguyễn Văn D như nội dung bản Cáo trạng. Sau khi xem xét đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm b khoản 1 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D với mức hình phạt từ 15 (Mười lăm) tháng đến 18 (Mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo tạm giữ ngày 16/7/2021; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Tại phiên tòa, do bị cáo có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, trong đơn bị cáo cũng thừa nhận hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại anh Nguyễn H Mừng và anh Trần Văn N cũng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nhưng cũng thể hiện quan điểm xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Đức T và những người làm chứng chị Dương Thị H, anh Nguyễn Đình Hưng và anh Lê Văn B đều đã có lời khai trong quá trình điều tra phù hợp có trong hồ sơ vụ án phù hợp với nội dung sự việc như đã nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tài liệu chứng cứ trong hồ sơ; về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Uông Bí, của Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, không có ý kiến hoặc khiếu nại về tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc định tội đối với bị cáo: Quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Văn D đều thừa nhận hành vi bị cáo đã thực hiện như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng, phù hợp với kết luận định giá tài sản, vật chứng

thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra công khai tại phiên tòa hôm nay. Bị cáo Nguyễn Văn D đã khẳng định tại cơ quan điều tra và việc truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan, sai. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Vào các ngày 30/3/2020 và ngày 03/5/2020 tại tổ 2, khu H và tổ 3, khu An Hải, phường P, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Nguyễn Văn D có hành vi mượn xe mô tô nhãn hiệu Yamaha sirius, biển kiểm soát 14H4-4218 của anh Nguyễn H Mừng T giá 10.000.000 đồng và xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 14Y1-283.03 của anh Trần Văn N T giá 15.000.000 đồng, rồi mang đi cầm cố cho anh Lê Đức T được mỗi xe 3.000.000 đồng, D đã chi tiêu cá nhân hết dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản. Tổng giá T tài sản Nguyễn Văn D chiếm đoạt là 25.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “**Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản**” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí truy tố và lời luận tội của Kiểm sát viện tại phiên tòa đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về hình phạt:

[3.1] Về tính chất, mức độ phạm tội bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản, đây là một trong những quyền được pháp luật Nhà nước bảo vệ, nguy hiểm cho xã hội gây mất trật tự an xã hội, bị cáo là người trưởng thành, có nhận thức đầy đủ về hành vi mình thực hiện là vi phạm pháp luật, nhưng chỉ vì háms lợi, bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo có nhân thân xấu, đã bị Ủy ban nhân dân phường P, thành phố Uông Bí áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Vì vậy, phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới đảm bảo tính giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung tội phạm.

[3.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội 2 lần trở lên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[3.3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[3.4] Hình phạt chính: Từ những đánh giá phân tích nêu trên, căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Để tăng cường biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm nói chung cũng như để giáo dục, cải tạo riêng đối với bị cáo, cần có một hình phạt tương xứng đối với hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có tình tiết giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật để bị cáo trở thành người tốt, có ích cho gia đình và xã hội. Nhưng dù xem xét đến đâu cũng cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để răn đe cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[3.5] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền

đối với bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển kiểm soát 14H4-4218 là của bị hại Nguyễn H Mừng đã chuộc lại 3.500.000 đồng và gia đình bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 4.000.000 đồng, anh M không yêu cầu gì về bồi thường dân sự, nên Hội đồng xét xử không đề cập.

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave biển kiểm soát 14Y1-283.03 của bị hại Trần Văn N đã chuộc lại 3.000.000 đồng và gia đình bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 3.500.000 đồng, anh N cũng không yêu cầu gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét, đề cập xử lý.

[5] Về các vấn đề khác:

Đối với anh Lê Đức T không biết nguồn gốc xe mô tô do bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội mà có, nên hành vi không cấu thành tội phạm. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Từ nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Điểm b khoản 1 Điều 175; Điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội: “**Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản**”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 18 (Mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo tạm giữ 16/7/2021.

2. Về án phí:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 3; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Danh mục án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBNTQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn D phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm vào ngân sách Nhà nước.

3. Quyền kháng cáo:

Căn cứ: Điều 331; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật ./.

Nơi nhận:

- Bị cáo.
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố Uông Bí;
- CQCSĐT Công an thành phố Uông Bí;
- CQTHAHS Công an thành phố Uông Bí;
- Chi cục THADS thành phố Uông Bí;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ninh.
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Hải